

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GỐC

Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội năm 2020Nguyễn Hoài Linh¹, Trần Thị Hồng^{1*}**TÓM TẮT**

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh trường THCS Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội năm 2020.

Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang, nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu phát vấn 779 học sinh trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyền, Hoài Đức, Hà Nội từ tháng 10/2019 đến tháng 5/2020.

Kết quả: Trong số 779 trẻ, điểm kiến thức trung bình đạt 28,02 điểm (ĐLC: 9,57). Trong đó, trẻ có số điểm cao nhất đạt 44 điểm và thấp nhất là 3 điểm. Phân tích thêm cho thấy: có đến 65,08% học sinh chưa có kiến thức tốt về phòng chống đuối nước. Về sơ cấp cứu khi gặp người đuối nước, chỉ có 33,5% trẻ trả lời biết khi được hỏi. Về đánh giá thái độ của trẻ đối với phòng chống đuối nước, có tới 10,9% học sinh chưa có thái độ tốt. Điểm trung bình thái độ của trẻ về phòng chống đuối nước là 3,09 điểm (ĐLC: 0,68). Tỷ lệ trẻ chưa biết bơi là 41,9%. Về chuột rút khi bơi lội, có đến 25,4% trẻ đã từng bị và trong số này vẫn có 16,5% trẻ vùng vẫy, giãy giụa để giảm cơn đau và 4,4% trẻ không biết cách xử lý.

Kết luận: Nhà trường nên tổ chức các chương trình sinh hoạt ngoại khoa cho học sinh về phòng chống đuối nước. Gia đình nên cho trẻ tham gia các lớp học bơi, hạn chế để trẻ tham gia các hoạt động liên quan đến nước một mình.

Từ khóa: Đuối nước, học sinh THCS, PCĐN, phòng chống đuối nước, KAP phòng chống đuối nước.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đuối nước được Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO) định nghĩa là “Quá trình con người bị chìm/ ngâm trong chất lỏng (thông thường là nước) với thời gian lâu dẫn đến suy hô hấp. Đuối nước có thể gây ra nhiều ảnh hưởng đến sức khỏe mà nguy trọng nhất là tử vong” (1).

Theo ước tính của WHO, mỗi năm trên thế giới có khoảng 372.000 người tử vong do đuối nước, cao thứ ba trong các nguyên nhân gây tử vong do tai nạn thương tích, chỉ sau ngã và tai nạn giao thông. 90% các ca đuối nước là từ các nước đang phát triển. Đuối nước có thể

xảy ra ở tất cả các lứa tuổi tuy nhiên trẻ em là nhóm đối tượng có nguy cơ cao và chiếm đa số, đặc biệt trẻ em trong độ tuổi 5 - 14 tuổi có nguy cơ cao hơn cả (2).

Tại Việt Nam, đuối nước là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong ở trẻ em. Trong giai đoạn 2010 – 2013, trung bình mỗi năm có khoảng 2.800 trẻ em tử vong do đuối nước. Đến giai đoạn 2015 – 2017, còn trung bình khoảng 2.000 trẻ em tử vong do đuối nước mỗi năm.

Đuối nước có thể phòng ngừa được bằng các phương pháp huy động sự tham gia của cộng



*Địa chỉ liên hệ: Trần Thị Hồng

Email: tth1@huph.edu.vn

¹Trường Đại học Y tế công cộng

Ngày nhận bài: 16/9/2020

Ngày phản biện: 22/10/2020

Ngày đăng bài: 20/02/2021

đồng và nâng cao nhận thức về phòng chống đuối nước của người dân. Riêng với trẻ từ 5 – 14 tuổi thì dạy trẻ các kiến thức, kỹ năng an toàn trong môi trường nước và sơ cứu là các biện pháp phòng ngừa hiệu quả (4).

Huyện Hoài Đức là một huyện ngoại thành cách Hà Nội khoảng 10km về phía Tây với dân số gần 200.000 người (5). Hoài Đức có rất nhiều đầm, ao, hồ và giếng làng – nét văn hóa đặc trưng ở làng quê đồng bằng bắc bộ. Theo ghi nhận của Trung tâm y tế huyện Hoài Đức, trong 3 năm trở lại đây có 15 trường hợp đuối nước dẫn đến tử vong. Không thống kê được số ca không tử vong. 12/15 nạn nhân là trẻ em 5 – 14 tuổi (6). Bên cạnh những phương pháp phòng chống đuối nước dựa vào cộng đồng, nâng cao kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống đuối nước cũng là một hoạt động không thể không kể đến. Nhiều nghiên cứu và can thiệp thực hiện tác động lên bố mẹ và người chăm sóc trẻ. Tuy nhiên, nâng cao kiến thức, thái độ và thực hành của chính bản thân trẻ, nhất là trẻ 11-14 tuổi là một điều rất quan trọng nhưng chưa được chú ý nhiều.

11 – 14 tuổi là độ tuổi trẻ có nhiều biến đổi về tâm sinh lý. Trẻ đã có suy nghĩ tương đối độc lập, muốn tự khẳng định mình thông qua những hành động nguy hiểm từ đó dễ dẫn đến tổn thương sức khỏe, tinh thần cho bản thân (7). Bên cạnh đó, ngày nay trẻ được tiếp xúc thông tin từ rất nhiều nguồn, không chỉ từ phía cha mẹ và nhà trường. Việc định hướng trẻ tiếp thu kiến thức, có thái độ đúng đắn là điều cực kì quan trọng, giúp bảo vệ cho chính trẻ.

Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyền là trường chuyên trên địa bàn huyện Hoài Đức. Số lượng học sinh trong trường đông hơn các trường cùng cấp. Cụ thể trường bao gồm 16 lớp với số lượng học sinh là 785. Ngoài ra học sinh trong trường có quê quán từ hầu hết các xã, thị trấn trong huyện. Chính

vì thế, việc chọn trường là địa bàn nghiên cứu sẽ giúp thu được mẫu đa dạng từ những địa bàn khác nhau trong huyện.

Việc thực hiện đề tài với mục tiêu mô tả kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống đuối nước của học sinh trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyền sẽ cung cấp thông tin giúp xây dựng các chương trình truyền thông phù hợp và tạo tiền đề cho các nghiên cứu sâu rộng hơn.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Trong nghiên cứu này sử dụng thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu thực hiện ở Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội từ tháng 10/2019 đến tháng 5/2020.

Đối tượng nghiên cứu: Trẻ từ 11 – 14 tuổi đang học tại trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Huyền, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Cỡ mẫu, chọn mẫu: Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ. Tổng cộng toàn trường có 16 lớp với 785 học sinh. Số phiếu thu được sau khi phát vẫn là 779 phiếu.

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu, biến số

Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi phát vấn để thu thập số liệu. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên một số nghiên cứu trước, tập trung vào các nhóm biến số về nguyên nhân, dịch tễ học đuối nước và một số biện pháp phòng ngừa đuối nước phù hợp cho lứa tuổi 11 – 14 tuổi.

Quy trình thu thập số liệu: Trong tiết sinh hoạt lớp thứ 7, điều tra viên xin phép giáo viên chủ nhiệm trao đổi với học sinh. Các điều tra viên giới thiệu mục đích cuộc điều

tra và gửi giấy xác nhận đồng ý tham gia nghiên cứu cho cha mẹ/ người giám hộ của ĐTN. Giải thích chi tiết khi đối tượng nghiên cứu có bất cứ câu hỏi nào. Thứ hai tuần tiếp theo, điều tra viên xin lại giấy xác nhận đồng ý tham gia nghiên cứu. Theo ghi nhận, 100% học sinh đều đồng ý tham gia nghiên cứu, có 779 phụ huynh đồng ý cho con tham gia nghiên cứu. Tiếp theo, các điều tra viên tiến hành thu thập số liệu bằng cách phát vấn cho các lớp sau đó thu lại. Trong quá trình này, điều tra viên bao quát lớp và hỗ trợ khi cần.

Xử lý và phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng phần mềm Epidata 3.1 để nhập liệu sau đó chuyển sang SPSS 20 để phân tích số liệu.

Đạo đức nghiên cứu

Trước khi tiến hành thu thập số liệu, nghiên cứu đã được Hội đồng đạo đức của trường Đại học Y tế công cộng thông qua theo quyết định số 94/2020/YTCC-HD3.

KẾT QUẢ

Thông tin chung của trẻ

Theo kết quả nghiên cứu, có 779 đối tượng tham gia vào nghiên cứu, trong đó có 397 là học sinh nam (51%) và 382 nữ học sinh (49%). Các đối tượng chủ yếu đang sống cùng với bố mẹ (98%). Đối với học vấn của cha mẹ, cao nhất là trình độ từ THPT trở lên (62,6%), còn lại 22,3% là THCS và THPT. Nhóm nghề nghiệp chiếm tỉ lệ cao nhất của cha mẹ là lao động tự do/buôn bán (51%), công nhân viên chức (44,8%), còn lại là nội trợ hoặc không đi làm. Về khả năng bơi lội, chỉ có 14,1% số người là không biết bơi.

Kiến thức của trẻ về phòng chống đuối nước

Trong 779 học sinh tham gia nghiên cứu, chỉ có 9,5% nghĩ rằng đuối nước sẽ xảy ra ở hồ nước, bồn tắm, chậu tắm. Về đối tượng dễ bị đuối nước: 79,7% cho rằng đuối nước dễ xảy ra ở trẻ em dưới 18 tuổi, 33,8% cho rằng người già (từ 65 tuổi trở lên) có nguy cơ xảy ra đuối nước cao. 18,1% học sinh lại cho rằng nữ giới có nguy cơ đuối nước cao trong khi đó chỉ 10,9% cho rằng nam giới có nguy cơ cao.

Bảng 1. Bảng mô tả kiến thức của trẻ về dịch tễ học đuối nước

	Đặc điểm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Đã từng nghe đến đuối nước	Bãi biển	267	34,3
	Ao, hồ, giếng	703	90,2
	Bể bơi	162	20,8
	Hồ nước, bồn tắm, chậu tắm	74	9,5
Tháng thường xảy ra đuối nước	Tháng 1 – tháng 4	17	2,2
	Tháng 5 – tháng 8	596	76,5
	Tháng 9 – tháng 12	1	0,1
	Không biết	165	21,2

Thời gian thường xảy ra đuối nước	Buổi sáng	112	14,4
	Buổi trưa	261	33,5
	Buổi chiều	480	61,6
	Buổi tối	165	21,2
	Không biết	172	22,1
Đối tượng có nguy cơ đuối nước cao nhất	Trẻ em dưới 18 tuổi	621	79,7
	Người trưởng thành (19 – 64 tuổi)	77	9,9
	Người già (từ 65 tuổi trở lên)	263	33,8
	Nam giới	85	10,9
	Nữ giới	141	18,1
	Khác	17	2,2
	Không biết	63	8,1

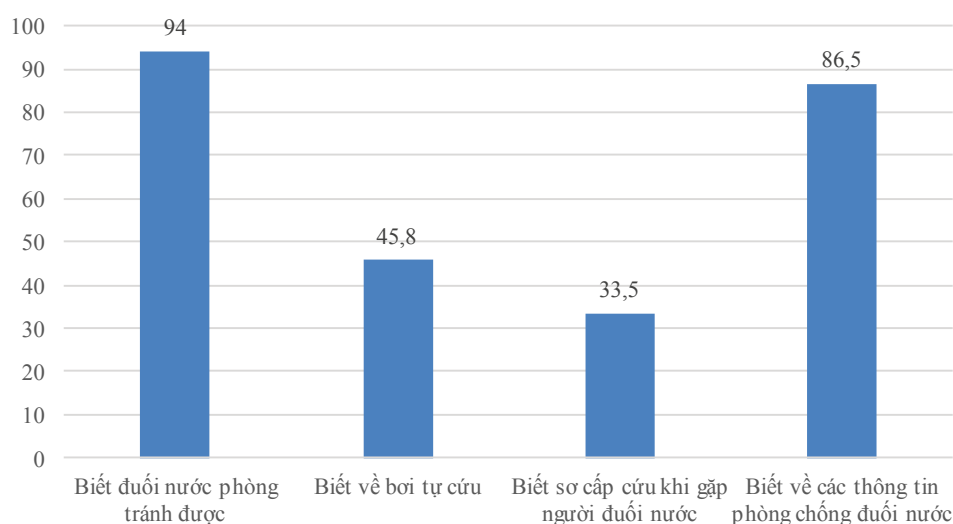
Có 92% học sinh cho rằng đuối nước có thể gây ra tử vong, 31,7% học sinh cho rằng đuối nước có thể sẽ gây tàn tật/ảnh hưởng đến sức khỏe.

Đối với kiến thức về vùng nước an toàn, 85,2% học sinh cho rằng đây là vùng nước có lực lượng cứu hộ, 45% học sinh cho rằng vùng nước cho phép bơi, không có các biển cảnh báo “khu vực nước sâu, nguy hiểm, đề phòng chết đuối”. Các đáp án còn lại có tỉ lệ học sinh chọn gần như nhau.

Về kiến thức phòng tránh đuối nước, 94% học sinh cho rằng đuối nước phòng tránh

được, 48,5% học sinh có hiểu biết về bơi tự cứu bản thân, 33,5% học sinh có hiểu biết sơ cấp cứu khi gặp người đuối nước và 86,5% học sinh biết về các thông tin về phòng tránh đuối nước.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong số 779 trẻ tham gia nghiên cứu, điểm kiến thức trung bình đạt 28,02 điểm (ĐLC: 9,57). Trong đó, trẻ có số điểm cao nhất đạt 44 điểm và trẻ có số điểm thấp nhất là 3 điểm. Sau khi tính tổng điểm, kết quả cho thấy: có đến 65,1% học sinh chưa có kiến thức tốt về phòng chống đuối nước.



Hình 1. Phân bố tỷ lệ kiến thức của trẻ về các khía cạnh phòng tránh đuối nước

Thực trạng thái độ về phòng chống đuối nước ở trẻ

Về thái độ phòng chống đuối nước, khi được hỏi có 97,4% học sinh quan tâm tới phòng chống đuối nước. 94,5% học sinh sẽ không tham gia khi được rủ đi chơi gần ao, hồ, sông, suối... 91,1% học sinh sẽ sẵn sàng giải thích cho mọi người về nguy cơ đuối nước. Kết

quả cũng ghi nhận được có đến 73,9% học sinh yêu thích các chương trình tuyên truyền phòng chống đuối nước và 80,1% học sinh sẵn sàng tham gia các chương trình đó

Thực hành phòng chống đuối nước của trẻ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, 21,4% ứng với 166 trẻ đã từng gặp người bị đuối nước.



Hình 2. Cách trẻ xử lý khi gặp người bị đuối nước

Khi gặp người bị đuối nước, hầu hết trẻ đều có cách xử lý đúng. Tuy nhiên, vẫn còn đến 11,4% trẻ tự nhảy xuống nước để ra cứu người; 8,4% thì không biết nên làm gì.

Tỷ lệ trẻ chưa biết bơi là 41,9% (327 em), chiếm gần một nửa trong tổng số trẻ tham gia nghiên cứu. Đối với những trẻ chưa biết bơi (327 em), nguyên nhân mà các trẻ vẫn chưa học

bơi chủ yếu là do không có thời gian (69,8%). Một số trẻ thì cho biết là do ngại (27,1%) và không có lớp học bơi (24,8%) hay do học phí đắt (15,5%) nên chưa thể học bơi. Chỉ có 3,9% trẻ là bố mẹ không đồng ý cho đi học bơi.

Về thực hành của trẻ khi đi bơi, có 86,3% trẻ xin phép người thân, người giám hộ khi

đi bơi; 80,4% trẻ có khởi động trước khi bơi; 88,1% trẻ bơi ở nơi có người bảo vệ, cứu hộ và 92,9% trẻ không bơi ở vùng nước có biển cấm, nguy hiểm. Bên cạnh đó, kết quả cho thấy vẫn có 13% số trẻ bơi khi mệt mỏi, căng thẳng; 18,3% trẻ thực hiện bơi vào buổi trưa.

Bảng 2. Bảng mô tả thực hành xử lý khi bị chuột rút của trẻ (N=115)

	Nội dung	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Gặp chuột rút khi bơi	Có	115	25,4
	Không	338	74,6
Xử lý khi gặp chuột rút	Hô, kêu cứu người xung quanh	53	46,1
	Vùng vẫy, giãy giụa để giảm cơn đau	19	16,5
	Thả nổi ngửa cơ thể	72	62,6
	Thả lỏng cơ bắp	74	64,4
	Áp dụng bơi tự cứu	57	49,6
	Không biết	5	4,4

Trong số các đối tượng nghiên cứu, tỷ lệ trẻ đã có gặp tình trạng bị chuột rút khi bơi là 25,4%. Trong số đó có 16,5% trẻ chỉ vùng vẫy, giãy giụa để giảm cơn đau và 4,4% trẻ không biết xử lý như thế nào khi bị chuột rút trong lúc bơi.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra một thực trạng rằng hầu hết trẻ có thực hành chưa tốt trong việc phòng chống đuối nước. Có đến 730 trong tổng số 779 trẻ thực hành chưa tốt, chiếm 93,7% trong khi tỷ lệ trẻ có thực hành tốt chỉ đạt 6,3%. Nguyên nhân có thể do nhiều trẻ chưa biết bơi, dẫn đến không thể trả lời được các câu hỏi liên quan đến thực hành an toàn bơi.

Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống đuối nước của học sinh trường THCS Nguyễn Văn Huyền được thực hiện ở huyện Hoài Đức. Đây là một huyện ngoại thành của thủ đô Hà Nội với tỷ lệ đuối nước khá cao, đặc biệt là ở trẻ trong độ tuổi THCS (11 – 14 tuổi). Tuy vậy chưa có một nghiên cứu nào tại địa bàn tìm hiểu về kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống đuối nước ở trẻ em nói chung và trẻ 11 – 14 tuổi nói riêng. Nghiên cứu này sẽ là một khởi đầu có ý nghĩa và cần thiết, là nền móng cho các nghiên cứu sâu hơn, là nền tảng để xây dựng các chương trình truyền thông phòng chống đuối nước cho trẻ em với các hoạt động phù hợp.

Về độ tuổi: Nghiên cứu chọn đối tượng là toàn bộ học sinh trường THCS Nguyễn Văn

BÀN LUẬN

Huyền, tương đương với độ tuổi 11- 14 tuổi. Đây là lứa tuổi có tỷ lệ đuối nước cao trong địa bàn. Cần phải đánh giá các kỹ năng liên quan đến bơi lội, sơ cấp cứu của trẻ để từ đó xây dựng các chương trình giáo dục phù hợp.

Về giới tính: Trong tổng cộng 779 đối tượng tham gia vào nghiên cứu, tỷ lệ giới tính giữa nam và nữ khá tương đương nhau (51% và 49%).

Về thông tin của trẻ: Chủ yếu các học sinh tham gia vào nghiên cứu sống cùng với bố mẹ. Học vấn của cha mẹ cũng đa phần từ cấp 3 trở lên (62,6%) và đều đi làm. Qua các câu hỏi đánh giá kiến thức của trẻ về phòng chống đuối nước, nghiên cứu viên nhận thấy kiến thức của trẻ vẫn còn thấp (tỷ lệ kiến thức tốt chỉ chiếm 34,9%). Kết quả này thấp hơn so với số 48% trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Minh Phượng về “Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố liên quan đến phòng tránh đuối nước của trẻ từ 10 – 15 tuổi tại phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, Nghệ An” năm 2017 (8). Nhưng kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Doãn Ngọc Định và cộng sự năm 2012 (13,9%) (9). Kết quả nghiên cứu cũng cao hơn so với kết quả mà Nguyễn Thúy Lan và cộng sự đã phân tích được vào năm 2013 (25,4%)(10).

Điểm trung bình về kiến thức là 28,02 trong đó, trẻ có số điểm cao nhất đạt 44 điểm và trẻ có số điểm thấp nhất là 3 điểm. Có thể thấy khoảng phân bố của điểm rất rộng. Điều này chứng minh rằng hiểu biết của học sinh còn chưa đồng đều, rất cần truyền thông để hệ thống hóa và nâng cao kiến thức cho học sinh.

Mức độ nhận biết của trẻ về những vùng nước an toàn cũng khá tốt tuy nhiên các kiến thức phòng tránh đuối nước, kiến thức về bơi tự cứu và biết sơ cấp cứu khi gặp người đuối nước lại có tỉ lệ hiểu biết thấp. Có 48,5% trẻ đã từng nghe đến kỹ thuật bơi tự cứu, tuy nhiên

khi được hỏi đối tượng sử dụng bơi tự cứu thì rất nhiều trẻ trả lời sai hoặc không biết. Về sơ cấp cứu khi gặp người đuối nước, chỉ có 33,5% trẻ trả lời biết khi được hỏi.

Nhìn chung trẻ tham gia nghiên cứu đều có thái độ rất quan tâm tới phòng chống đuối nước (97,4%). Trẻ cũng rất sẵn sàng giải thích cho mọi người về nguy cơ đuối nước khi chơi ở ao, hồ, sông, suối...vào buổi trưa hay thời điểm vắng người.

Trong tất cả trẻ em tham gia vào nghiên cứu, chỉ có 21,4% trẻ đã từng gặp trường hợp đuối nước. Nhìn chung đa số trẻ đều có cách xử lý đúng khi gặp người bị đuối nước tuy nhiên vẫn còn một bộ phận không nhỏ trẻ đã nhảy xuống nước để ra cứu người (11,4%). Đây là một hành động hết sức nguy hiểm nhất là đối với những trẻ không biết bơi.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra tỉ lệ trẻ biết bơi trong nghiên cứu chỉ đạt 41,9%. Mặc dù tỉ lệ này cao hơn so với kết quả của Nguyễn Thị Minh Phượng năm 2017 (33%)(8) nhưng với một huyện trực thuộc thủ đô Hà Nội như Hoài Đức, tỉ lệ này vẫn còn rất thấp. Một số nguyên nhân được trẻ đưa ra khi không tham gia lớp học bơi là do không có thời gian (69,7%), không có lớp học bơi trên (24,8), do tâm lý ngại ngùng (27,1%).

Nhìn chung đối với những trẻ biết bơi, việc thực hành phòng chống đuối nước là khá tốt. Tuy nhiên vẫn có 16,5% trẻ bị chuột rút khi bơi lội đã vùng vẫy, giãy giụa để giảm cơn đau và 4,4% trẻ không biết cách xử lí. Tuy nhiên, cũng giống như các nghiên cứu mô tả về kiến thức, thái độ, thực hành khác, nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi để hỏi cứu lại việc thực hành phòng chống đuối nước của trẻ chứ không trực tiếp quan sát, đánh giá được. Do đó không khỏi tránh được việc đánh giá chưa chuẩn xác được mức độ thực hành của trẻ.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong số 779 trẻ tham gia nghiên cứu, điểm kiến thức trung bình đạt 28,02 điểm (ĐLC: 9,57). Trong đó, trẻ có số điểm cao nhất đạt 44 điểm và trẻ có số điểm thấp nhất là 3 điểm. Phân tích thêm cho thấy: có đến 65,08% học sinh chưa có kiến thức tốt về phòng chống đuối nước. Có 48,5% trẻ đã từng nghe đến kỹ thuật bơi tự cứu, tuy nhiên khi được hỏi đối tượng sử dụng bơi tự cứu thì rất nhiều trẻ trả lời sai hoặc không biết. Về sơ cấp cứu khi gặp người đuối nước, chỉ có 33,5% trẻ trả lời biết khi được hỏi.

Về đánh giá thái độ của trẻ đối với phòng chống đuối nước, còn tới 10,9% học sinh chưa có thái độ tốt. Kết quả nghiên cứu cho thấy, điểm trung bình về thái độ của trẻ về phòng chống đuối nước là 3,09 điểm (ĐLC: 0,68).

Tỷ lệ trẻ chưa biết bơi trong nghiên cứu là 41,9%. Trong số những trẻ biết bơi vẫn có tỷ lệ không nhỏ trẻ thực hành bơi không đúng như bơi khi mệt mỏi (13%), đi bơi một mình (66,3%). Về chuột rút khi bơi lội, có đến 25,4% trẻ đã từng bị và trong số này vẫn có 16,5% trẻ vùng vẫy, giãy giụa để giảm cơn đau và 4,4% trẻ không biết cách xử lý khi bị chuột rút.

Nhà trường nên tổ chức các chương trình sinh hoạt ngoại khoa cho học sinh về phòng chống

đuối nước. Gia đình nên cho trẻ tham gia các lớp học bơi, hạn chế để trẻ tham gia các hoạt động liên quan đến nước một mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO, (2002), *Drowning*.
2. WHO, (2018), *Drowning - Key facts*.
3. Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, (2017), Đuối nước là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong ở trẻ em.
4. WHO, (2014), *Global report on drowning: preventing a leading killer*.
5. Cổng giao tiếp điện tử huyện Hoài Đức - TP.Hà Nội, (2015), Giới thiệu chung huyện Hoài Đức, truy cập ngày 10-08-2019, tại trang web <https://hoaiduc.hanoi.gov.vn/gioi-thieu>.
6. Trung tâm y tế huyện Hoài Đức, (2018), Thống kê tai nạn thương tích.
7. Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường - Bộ Y tế, (2014), Tâm sinh lý giai đoạn tuổi thiếu niên.
8. Nguyễn Thị Minh Phượng, (2017), Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố liên quan đến phòng tránh đuối nước của trẻ từ 10 – 15 tuổi tại phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò, Nghệ An, Thư viện trường Đại học Y tế công cộng, truy cập ngày 10-11-2019, tại trang web <http://opac.huph.edu.vn>.
9. Doãn Ngọc Định và Trần Thị Thu Thủy, (2012), “Kiến thức - thái độ - thực hành về phòng ngừa đuối nước của người chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi tại huyện phù cừ - tỉnh Hưng Yên, năm 2011”, Tạp chí Y học TP.Hồ Chí Minh. 16(3).
10. Nguyễn Thúy Lan và cộng sự, (2013), “Thực trạng và kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống tai nạn thương tích ở học sinh trung học phổ thông huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái năm 2011”, Tạp chí Y học. 10(146), tr. 320.

Knowledge, attitude and practice on drowning prevention of students at Nguyen Van Huyen Secondary School, Hoai Duc District, Hanoi City in 2020

Nguyễn Hoài Linh¹, Tran Thi Hong¹

¹ Hanoi University of Public Health

Objective: Describe knowledge, attitudes and practice of drowning prevention of students at Nguyen Van Huyen Secondary School, Hoai Duc District, Hanoi City in 2020. Method: Cross-sectional description, quantitative research. Research and interview 779 students of Nguyen Van Huyen middle school, Hoai Duc, Hanoi from October 2019 to May 2020. Results: Among 779 children, the average score of knowledge reached 28.02 points (SD: 9.57). In which, the child with the highest score reached 44 points and the lowest was 3 points. Further analysis shows that: up to 65,1% of students do not have good knowledge about drowning prevention. In terms of first aid when meeting someone who drowns, only 33,5% of children said they knew when asked. Regarding the assessment of children's attitudes towards drowning prevention, up to 10,9% of students do not have a good attitude. The average score of children's attitudes about drowning prevention is 3.09 points (SD: 0.68). The proportion of children who cannot swim is 41,9%. Regarding swimming cramps, up to 25,4% of children have ever experienced it and of these, 16,5% still struggled and struggled to relieve pain and 4,4% did not know how to handle it. Conclusion: Schools should organize surgical activities for students about drowning prevention. Families should let children participate in swimming classes, limit children to participate in water-related activities alone.

Keywords: *Drowning, junior high school students, DP, drowning prevention, KAP drowning prevention*